

Nội dung hướng dẫn giải Unit 5 Lesson 1 iLearn Smart Start trang 68 được chúng tôi biên soạn bám sát nội dung lý thuyết và bài tập bộ sách Tiếng Anh lớp 3 chương trình mới. Hy vọng đây sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích giúp các em học tốt môn Tiếng Anh 3.

Tiếng Anh 3 Unit 5 Lesson 1

Bài A

1. Listen and point. Repeat.

(Nghe và chỉ. Lặp lại.)



1. badminton : *cầu lông*

2. tennis : *quần vợt*

3. volleyball : *bóng chuyền*

4. basketball : *bóng rổ*

5. soccer : *bóng đá*

2. Play Heads up. What's missing?

(Trò chơi Heads up. Chỗ còn thiếu là từ gì?)



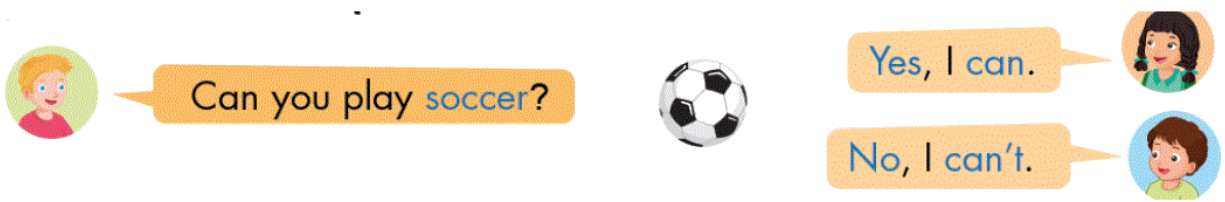
Phương pháp giải:

Cách chơi: Cô sẽ dán thẻ có hình về các môn thể thao (badminton, soccer, volleyball, basketball, tennis ...) lên bảng, các bạn nhìn qua một lượt và ghi nhớ từng môn thể thao. Cô sẽ lấy đi bất kì một thẻ nào, các bạn dưới lớp úp mặt xuống bàn và không được nhìn lên bảng. Khi cô đã hoàn thành và hỏi thẻ hình nào bị thiếu thì các bạn mới ngẩng đầu lên, nhìn lên bảng và trả lời nhanh.

Bài B

1. Listen and practice.

(Nghe và thực hành.)



Can you play **soccer**?

Yes, I can.

No, I can't.

Bạn có thể chơi đá bóng?

Vâng, tôi có thể.

Không, tôi không thể.

2. Look and write. Practice.

(Nhìn và viết. Thực hành.)

1 A: Can you play soccer?

B: _____, I can.

2 A: Can you play tennis?

B: No, _____.

3 A: _____ play basketball?

B: No, I can't.

4 A: Can you _____ badminton?

B: Yes, I can.

Lời giải chi tiết:

1. A: Can you play soccer?

B: Yes, I can.

2. A: Can you play tennis?

B: No, I can't.

3. A: Can you play basketball?

B: No, I can't.

4. A: Can you play badminton?

B: Yes, I can.

1. A: *Bạn có thể chơi đá bóng không?*

B: *Vâng, tôi có thể.*

2. A: *Bạn có thể chơi quần vợt không?*

B: *Không, tôi không thể.*

3. A: *Bạn có thể chơi bóng rổ không?*

B: *Không, tôi không thể.*

4. A: *Bạn có thể chơi cầu lông không?*

B: *Vâng, tôi có thể.*

Bài C

1. Listen and repeat.

(Nghe và lặp lại.)

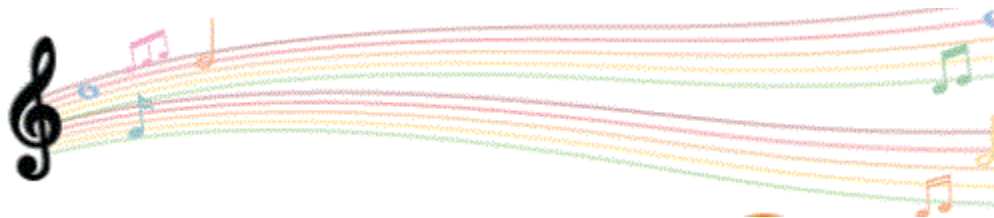
volleyball, soccer

volleyball (*bóng chuyền*)

soccer (*bóng đá*)

2. Chant.

(Đọc theo nhịp.)



Bài D

1. Look and listen.

(Nhìn và nghe.)

2. Listen and write.

(Nghe và viết.)

3. Practice with your friends.







(Thực hành với bạn của bạn.)

Bài E

E. Point, ask, and answer.

(Chỉ, hỏi, và trả lời.)

Can you play volleyball? Yes, I can.

<p>1</p>  <p>✓</p>	<p>2</p>  <p>✗</p>	<p>3</p>  <p>✓</p>
<p>4</p>  <p>✗</p>	<p>5</p>  <p>✗</p>	<p>6</p>  <p>✓</p>

Phương pháp giải:

Can you ____? (*Bạn có thể ____?*)

Yes, I can. (*Vâng, tôi có thể.*)

No, I can't. (*Không, tôi không thể.*)

Lời giải chi tiết:

1. Can you play volleyball?

Yes, I can. (✓)

2. Can you play tennis?

No, I can't. (X)

3. Can you play soccer?

Yes, I can. (✓)

4. Can you play basketball?

No, I can't. (X)

5. Can you play hide-and-seek?

No, I can't. (X)

6. Can you play badminton?

Yes, I can. (✓)

1. *Bạn có thể chơi bóng chuyền không?*

Vâng, tôi có thể. (✓)

2. *Bạn có thể chơi quần vợt không?*

Không, tôi không thể. (X)

3. Bạn có thể chơi đá bóng không?

Vâng, tôi có thể. (√)

4. Bạn có thể chơi bóng rổ không?

Không, tôi không thể. (X)

5. Bạn có thể chơi trốn tìm không?

Không, tôi không thể. (X)

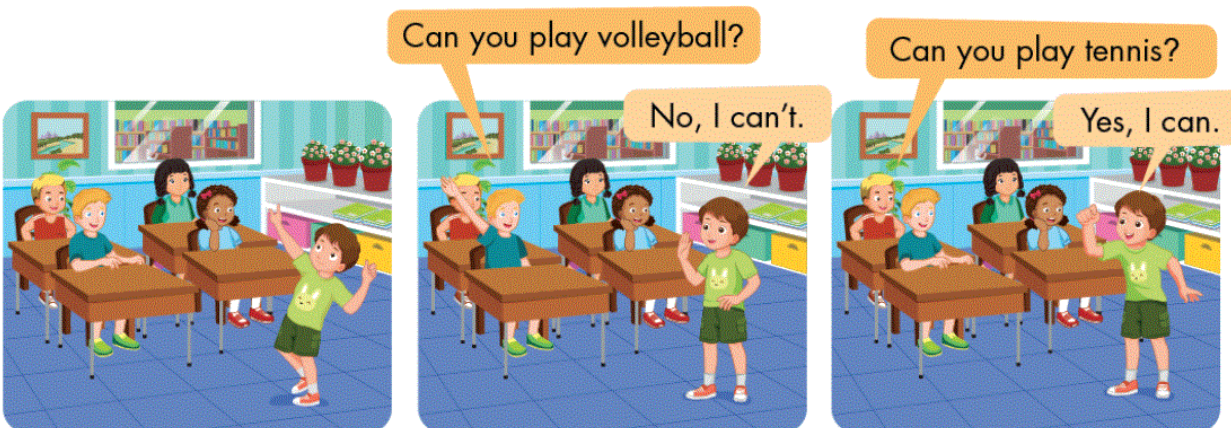
6. Bạn có thể chơi đánh cầu lông không?

Vâng, tôi có thể. (√)

Bài F

F. Play the Pretend game.

(Trò chơi Giả vờ.)



Phương pháp giải:

Cách chơi: Một bạn sẽ dùng hành động để diễn tả một môn thể thao, các bạn dưới lớp sẽ đặt câu hỏi để tìm ra đáp án.

Ví dụ:

Một bạn sẽ dùng hành động để diễn tả chơi quần vợt, các bạn dưới lớp sẽ đặt câu hỏi: “Can you play tennis? Nếu đúng, người diễn tả sẽ nói “Yes, I can.”, sai thì nói “No, I can’t.”